

Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 53/2024/TLST-HNGĐ (BGM) ngày 22 tháng 3 năm 2024, giữa:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1958

* Bị đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1960

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, tỉnh Đồng Nai

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị H. Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn B và bà Vũ Thị H chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Không xem xét giải quyết do các con đã trưởng thành

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định và đo đạc: là 10.793.000 (Mười triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn) đồng ông B tự nguyện chịu được khấu trừ vào số tiền ông B đã nộp trước đó. Đã thực hiện xong

3. Về án phí HNST là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng hai bên thống nhất thỏa thuận bà ông Nguyễn Văn B nộp. Do ông B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ông Nguyễn Văn B được miễn án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;*
- *Phòng THADS khu vực 13 – Đồng Nai;*
- *UBND xã Đa Kia – Đồng Nai;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TUYẾT